

Số: /BC-ĐDBQH

Hung Yên, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023”

Kính gửi: Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 833/2023/UBTVQH15 ngày 27/7/2023 về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2024; số 837/NQ-UBTVQH15 ngày 02/8/2023 về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023”. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên đã triển khai nội dung giám sát và báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2018-2023

I. Đánh giá thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đánh giá việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, cấp ủy, chính quyền và đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở của tỉnh Hưng Yên đã quán triệt nghiêm túc về mục đích, yêu cầu, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải

pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW, các kế hoạch, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương, của tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Qua công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh đã nâng cao nhận thức, hành động của các cơ quan, đơn vị, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đánh giá việc chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên

2.1. Giai đoạn 2018-2021

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 và UBND tỉnh thể chế hóa bằng Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó: xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể để cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các cơ quan, đơn vị của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thành công mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh khẩn trương rà soát, xây dựng, ban hành Kế hoạch, chương trình hành động và tổ chức triển khai thực hiện; góp phần quan trọng trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả và xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đạt được những kết quả tích cực.

2.2. Giai đoạn 2022-2026

Nhằm tiếp tục đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra giai đoạn 2022-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 10/11/2022 về triển khai thực hiện Phương án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2022, trong đó có việc thực hiện sáp nhập các trường tiểu học và trường trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/07/2023 về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đến năm 2026, làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai tổ chức thực hiện từ năm 2023 và các năm tiếp theo bảo đảm theo quy định; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 05/10/2023 triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025; trong đó, đưa ra lộ trình cụ thể thực hiện sắp xếp, tổ chức lại để giảm 46 đơn vị SNCL (*năm 2023 giảm 39 đơn vị, năm 2024 giảm 02 đơn*

vị, năm 2025 giảm 05 đơn vị), bảo đảm đến năm 2025 tỉnh Hưng Yên giảm tối thiểu 10% đơn vị SNCL so với năm 2021.

3. Đánh giá việc tỉnh ban hành văn bản để thể chế hóa chủ trương về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL

3.1. Vị trí việc làm viên chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, làm cơ sở để xác định biên chế; quản lý biên chế theo vị trí việc làm¹

Để đảm bảo việc phê duyệt vị trí việc làm đảm bảo theo quy định, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 23/6/2021 thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020; Công văn số 2848/UBND-NC ngày 23/10/2023 về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và Công văn số 3177/UBND-KGVX ngày 21/11/2023 triển khai thực hiện 03 Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công²

- Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về các lĩnh vực: Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp đối với 09 ngành, nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

¹ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

² Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, Quyết định số 1046/QĐ-TTg.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa tham mưu ban hành được định mức kinh tế, kỹ thuật của ngành ở địa phương theo định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ chuyên ngành ban hành mà áp dụng trực tiếp định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ chuyên ngành ban hành như: Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường,... và một số đơn vị chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ chuyên ngành làm cơ sở để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của địa phương như: Sở Công Thương, ...

3.3. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL³

Hiện nay, đa số các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành (*trừ một số Bộ như: Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, ...*) nên hiện chưa có cơ quan, đơn vị nào tham mưu UBND tỉnh ban hành tại địa phương.

3.4. Kế hoạch, chính sách khuyến khích xã hội hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

Năm 2023, UBND tỉnh thực hiện tuyển dụng viên chức, trong đó ưu tiên tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP; kết quả đã tuyển dụng được 01 trường hợp vào làm viên chức tại đơn vị SNCL trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Về thu hút nhân tài, HĐND tỉnh Hưng Yên đã ban hành các Nghị quyết: số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 430/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 ban hành quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên.

3.5. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương⁴

Đến thời điểm hiện tại có 11 đơn vị đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp

³ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022.

⁴ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022.

và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 và số 10 kèm theo)

4. Đánh giá chung về những kết quả, tồn tại, hạn chế, những nội dung chưa triển khai thực hiện và nguyên nhân; trách nhiệm của các cơ quan

Trong thời gian qua, tỉnh đã triển khai, chỉ đạo thực hiện đầy đủ chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL; ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa quy định của cấp trên đặc biệt là quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy là công việc phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực như sắp xếp nhân sự, tài chính, tài sản, nên đôi khi việc triển khai thực hiện còn chậm, một số người đứng đầu ĐVSNCL còn chưa quyết liệt thực hiện sắp xếp, còn tâm lý ngại xáo trộn.

Việc xây dựng vị trí việc làm là công việc khó, phức tạp, trong khi văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương vẫn còn nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện. Vì vậy, việc triển khai thực hiện xây dựng vị trí việc làm theo hướng dẫn mới của Bộ, ngành trung ương tại tỉnh đôi khi chưa kịp thời.

II. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương

1. Đánh giá việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL

1.1. Tình hình và kết quả đạt được

1.1.1. Kết quả chung về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

Công tác sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập đã được các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, với tinh thần tinh giản đầu mối, sáp nhập, hợp nhất các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, rà soát sắp xếp cơ cấu bên trong của từng đơn vị hợp lý; giải thể hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động đối với đơn vị hoạt động không hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng các đề án sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

a) Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập tính đến hết ngày 31/12/2023; so sánh với năm 2015, 2017 và 2021

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

Đối với khối chính quyền: tháng 01/2015, tỉnh có **679** đơn vị SNCL; đến tháng 12/2021, tỉnh có **605** đơn vị SNCL; giảm **74** đơn vị SNCL so với năm 2015, đạt mục tiêu đề ra (tỷ lệ 10,9%).

b) Số lượng đơn vị SNCL được thành lập mới: 10 đơn vị SNCL (trong đó: thành lập 09 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng là các đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc UBND huyện; hợp nhất Phòng Khám, Quản lý sức khỏe và Viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng cán bộ tỉnh trực thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh thành Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên và chuyển giao về trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên quản lý theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017, Kế hoạch số 88-KH/TU, Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và các quy định của pháp luật có liên quan).

c) Kết quả tiếp nhận các đơn vị SNCL có tính chất cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của Bộ về chính quyền địa phương quản lý

Thực hiện Quyết định số 1922/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Cục Y tế Giao thông vận tải; Công văn số 356/UBND-NC ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh về việc phối hợp bàn giao Trung tâm Y tế đường bộ 2; Công văn số 1353/UBND-NC ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức, hoạt động của Trung tâm Y tế đường bộ 2; ngày 21/12/2021, Sở Y tế đã ban hành Công văn số 2986/SYT-TCCB đề nghị Cục Y tế Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải và Trung tâm Y tế đường bộ 2 khẩn trương hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để bàn giao nguyên trạng Trung tâm Y tế đường bộ 2 về Sở Y tế Hưng Yên quản lý theo quy định. Tuy nhiên, đến nay Sở Y tế chưa nhận được văn bản trả lời từ Cục Y tế Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải và Trung tâm Y tế đường bộ 2.

d) Đánh giá việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL do địa phương quản lý

Tỉnh luôn nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò quan trọng của Nghị quyết số 19-NQ/TW và sự đồng thuận trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị tại mỗi cấp, mỗi ngành. Trong quá trình triển khai, chủ động nắm bắt tình hình dư luận, diễn biến tại các đơn vị để kịp thời tháo gỡ, giải quyết vướng mắc. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo được thực hiện quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở. Trong quá trình triển khai thống nhất nguyên tắc xuyên suốt từ trên xuống dưới, có lộ trình phù hợp, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm đối với một số lĩnh vực khó, nhạy cảm, phức tạp. Đặc biệt, quan tâm đến quyền lợi, giải quyết chế độ chính sách đối với viên chức và tổ chức thanh tra, kiểm tra sau sắp xếp, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy.

Việc thực hiện rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sau khi tổ chức lại bảo đảm phù hợp theo quy định. Tham mưu xây dựng, trình cấp

có thẩm quyền Đề án sắp xếp, tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, phân loại, chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính, chuyển thành công ty cổ phần đối với các đơn vị SNCL trong từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhằm giảm mạnh đầu mối, giảm cấp phó, nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động các đơn vị SNCL với lộ trình thời gian thực hiện, nội dung, nhiệm vụ thực hiện theo quy định. Sau sắp xếp, các đơn vị đã nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức được phân định rõ ràng, điều chỉnh, bổ sung phù hợp; cơ bản đã khắc phục được tình trạng chồng chéo, bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị.

Số lượng dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị SNCL được cung ứng sau khi tổ chức lại cơ bản không dao động nhiều. Qua rà soát và thực hiện, việc tổ chức lại các đơn vị SNCL bảo đảm tính khoa học, hợp lý, thu gọn đầu mối (*trong đó: các đơn vị sự nghiệp công có quy mô nhỏ, các đơn vị SNCL trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động*). Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công ở địa phương được tổ chức theo ngành, lĩnh vực và địa giới hành chính; hạn chế ngành, lĩnh vực trên một địa bàn có nhiều đơn vị SNCL, tránh gây lãng phí trong sử dụng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực.

1.1.2. Kết quả về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL trong từng lĩnh vực cụ thể đến hết ngày 31/12/2023

a) Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

- Sáp nhập Trường Trung học phổ thông Nam Khoái Châu và Trường Trung học phổ thông Khoái Châu thành Trường Trung học phổ thông Khoái Châu trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

- Thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập ở những xã, phường, thị trấn có từ 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trung học cơ sở trở lên; sáp nhập trường tiểu học với trường trung học cơ sở nhằm hình thành trường phổ thông có 02 cấp học (*tiểu học, trung học cơ sở*); sáp nhập trường trường trung học cơ sở với trường trung học phổ thông nhằm hình thành trường phổ thông có 02 cấp học (*trung học cơ sở, trung học phổ thông*) giảm **93** trường (*trong đó: 06 trường mầm non, 07 trường tiểu học, 02 trường trung học cơ sở, sáp nhập trường tiểu học với trường trung học cơ sở giảm 77 trường, sáp nhập trường trung học cơ sở với trường trung học phổ thông giảm 01 trường*).

b) Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp

Sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch Hưng Yên trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và đổi tên thành Trường Cao đẳng cộng đồng Hưng Yên trực thuộc UBND tỉnh Hưng Yên (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

c) Lĩnh vực Y tế

- Sáp nhập Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (*giảm 02 đơn vị SNCL*).

- Tổ chức lại các Trung tâm Y tế cấp huyện trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện vào Trung tâm Y tế cấp huyện nhằm thực hiện thống nhất mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng, bao gồm: y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác (*giảm 10 đơn vị SNCL*); giải thể 06 trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi đã có Trung tâm Y tế cấp huyện trên địa bàn cấp xã; giải thể 01 trạm y tế xã ở xã Đình Dù, huyện Văn Lâm do trên địa bàn xã có 02 trạm.

- Hợp nhất Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa thành Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa trực thuộc Sở Y tế (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

d) Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

Hợp nhất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ với Trung tâm Thông tin, thống kê khoa học và công nghệ thành Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

đ) Lĩnh vực thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hợp nhất Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng với Trung tâm Văn hóa tỉnh thành Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Hưng Yên trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

- Hợp nhất trung tâm Văn hóa thể thao du lịch và Đài truyền thanh cấp huyện (*giảm 10 đơn vị SNCL*).

e) Lĩnh vực Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

- Sáp nhập Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường và Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thành Trung tâm Quan trắc - Thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

- Sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng với Ban Quản lý án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng trực thuộc UBND tỉnh Hưng Yên (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

- Giải thể Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Hưng Yên trực thuộc Sở Giao thông vận tải theo Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13/01/2020 của Chính phủ về

việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

- Hợp nhất Trung tâm Tin học - Công báo và Trung tâm Hội nghị tỉnh thành Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh (*giảm 01 đơn vị SNCL*).

1.1.3. Kết quả về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL của khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL, giảm 02 đơn vị: Viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng cán bộ tỉnh trực thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (*do sáp nhập*); Trung tâm Văn hóa - Dịch vụ tư vấn hỗ trợ người lao động trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh (*do giải thể*).

1.2. Khó khăn, vướng mắc

1.2.1. Về thể chế, chính sách

Một số Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành kịp thời các quy định, hướng dẫn để làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện, do đó việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL, chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập ra ngoài công lập, xếp hạng các đơn vị SNCL còn gặp khó khăn, vướng mắc; việc nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL còn chậm, cụ thể:

- Tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị SNCL theo ngành, lĩnh vực; hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị SNCL thuộc ngành, lĩnh vực, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị SNCL và cơ quan quản lý cấp trên theo quy định của pháp luật (*theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ*).

- Quy định, hướng dẫn về việc thực hiện chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhất là đối với thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp có dân số tăng nhanh do nhập cư, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

- Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công, các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy, các quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi về đất đai, thuế, phí, tín dụng,... để tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, các nhà đầu tư tham gia đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đặc biệt đối với các dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Hướng dẫn liên ngành về xếp hạng đơn vị SNCL thuộc 02 lĩnh vực trở lên đối với các tỉnh đã thực hiện việc sáp nhập các Ban quản lý dự án chuyên ngành thuộc các Sở quản lý chuyên ngành thành Ban quản lý dự án chuyên

ngành thuộc UBND cấp tỉnh; hướng dẫn việc xếp hạng đối với các trường phổ thông có nhiều cấp học.

1.2.2. Khi xây dựng đề án tổ chức lại đơn vị SNCL

Đến năm 2021, tỉnh đã cơ bản tổ chức lại các đơn vị SNCL bảo đảm đạt được mục tiêu của Nghị quyết đề ra (*giảm tối thiểu 10% đơn vị SNCL so với năm 2015*) và sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị SNCL tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý. Hiện tại, các đơn vị SNCL của tỉnh Hưng Yên chủ yếu là các đơn vị SNCL Giáo dục đào tạo đã được rà soát, tinh gọn, tránh trùng chéo, đảm bảo theo quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Do đó, nếu từ nay đến năm 2025 phải tiếp tục giảm tối thiểu 10% đơn vị SNCL so với năm 2021 (*theo mục tiêu của Nghị quyết*) thì việc tinh gọn đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào các đơn vị SNCL Giáo dục và đào tạo. Việc sắp xếp gần như chỉ mang tính cơ học do sau khi sáp nhập, các đơn vị gặp khó khăn về cơ sở vật chất, vị trí địa lý, quy mô số lớp, số học sinh tăng dẫn đến công tác quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của các nhà trường gặp nhiều trở ngại. Đồng thời, tỉnh đang chú trọng phát triển các khu công nghiệp cao hiện đại, tiên tiến, để hướng đến mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp phát triển mạnh trong thời gian tới nên các địa phương có các khu công nghiệp đóng trên địa bàn sẽ có dân số cơ học tăng nhanh do nhập cư. Theo đó, quy mô số lớp, số học sinh trong các trường rất lớn. Vì vậy, công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL còn gặp khó khăn.

1.2.3. Về nhân sự triển khai đề án tổ chức lại đơn vị SNCL

Đối với việc sáp nhập các đơn vị SNCL giáo dục: tiêu chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường liên cấp bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học nên việc quản lý, phụ trách khối tiểu học còn gặp khó khăn, vướng mắc.

1.2.4. Về thay đổi mức độ tự chủ sau tổ chức lại

Trước khi thực hiện sáp nhập, có nhiều đơn vị SNCL được phân loại mức độ tự chủ khác nhau; do đó, sau khi thực hiện sáp nhập các đơn vị thường gặp khó khăn về thay đổi mức độ tự chủ của đơn vị SNCL (*không cùng mức độ tự chủ*).

Đối với việc sáp nhập các đơn vị SNCL có mức độ tự chủ khác nhau như đơn vị SNCL nhóm 1 và nhóm 2 với nhóm 3 và nhóm 4 thành đơn vị nhóm 1 và nhóm 2 sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu của đơn vị nhóm 1 và nhóm 2 (*nguồn thu giảm đi*) do phải gánh thêm số người của đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 trong khi không được NSNN hỗ trợ cho số người này.

1.2.5. Về thực hiện tự chủ của đơn vị SNCL

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 về việc phê duyệt Đề án giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chất lượng cao, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm đẩy mạnh việc trao quyền tự chủ cho các đơn vị SNCL giáo dục công lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ công với chất lượng cao cho xã hội.

- Việc thực hiện mục tiêu đến 2025 có 20% đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên còn gặp khó khăn, cụ thể:

+ Để nâng mức độ tự chủ từ đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên lên đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên thì các đơn vị sự nghiệp phải tăng được nguồn thu. Để đạt được điều này, giá dịch vụ sự nghiệp công phải được điều chỉnh tăng dần, tính đủ chi phí và các đơn vị sự nghiệp công phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình đa dạng các nguồn thu cho đơn vị mình. Tuy nhiên, hiện nay một số đơn vị SNCL căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình không tạo được nguồn thu hoặc nguồn thu rất thấp. Giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đầy đủ chi phí nên các đơn vị không tăng được nguồn thu để nâng mức độ tự chủ.

+ Đối với sự nghiệp y tế: nguồn thu vượt dự toán quỹ bảo hiểm xã hội kéo dài qua các năm, không được thanh toán do không có nguồn nên chưa đảm bảo được mức độ tự chủ ở loại hình tự đảm bảo chi thường xuyên.

+ Đối với sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: số lượng các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên đến năm 2022 chủ yếu nằm ở lĩnh vực này.

+ Số lượng các đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên chủ yếu nằm ở sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp này nguồn thu thấp, khó nâng được mức độ tự chủ, do hiện nay chưa được thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

+ Việc xây dựng phương thức thực hiện đặt hàng theo giá dịch vụ giảng dạy đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP⁵ và Nghị định 32/2019/NĐ-CP⁶ còn gặp khó khăn, vướng mắc.

⁵ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL.

⁶ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

1.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức lại các đơn vị SNCL

1.3.1. Nguyên nhân của kết quả

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã nhận thức rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; các cơ quan, đơn vị cơ bản đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy.

Các cơ quan, đơn vị đã có nhiều giải pháp hiệu quả thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy; kiên quyết sắp xếp lại những đơn vị hoạt động không hiệu quả hoặc có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

1.3.2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

- Một số quy định, hướng dẫn về tổ chức bộ máy của Trung ương còn chưa kịp thời và chưa đồng bộ để thống nhất thực hiện.

- Một số cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của các chủ trương, quan điểm về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL nên việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ở một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt.

2. Đánh giá việc quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

2.1. Tình hình và kết quả đạt được

2.1.1. Về Quản lý biên chế

a) Số lượng người làm việc được giao năm 2023 là **20.554** người, hưởng lương NSNN và **774** người, còn lại là hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (NTSN).

b) So sánh với năm 2015, 2017, 2021

- Năm 2016 tỉnh được bổ sung 557 biên chế, năm 2022 tỉnh được bổ sung 1.063 biên chế vào sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập. Theo đó, so với năm 2015, tỉnh đã thực hiện tinh giản 2.839 biên chế (*giai đoạn 2015-2021 giảm 2.339 biên chế, giai đoạn 2022-2026 đã giảm được 500 biên chế*); so với năm 2017 tỉnh đã thực hiện tinh giản 2.681 biên chế; so với năm 2021 tỉnh đã thực hiện tinh giản **500** biên chế.

- Đối với các mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 19-NQ/TW: giai đoạn 2015-2021 tỉnh đã thực hiện tinh giản **2.339** biên chế, tương ứng 10,47% (vượt 0,47%) so với mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

(Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo)

- Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền thẩm định năm 2023 trong đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là **2.424** người và **462** lao động hợp đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo)

- Đánh giá việc quản lý, sử dụng số biên chế được giao

Tỉnh đã chủ động thực hiện giao số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo Công văn thống nhất của Bộ Nội vụ và Quyết định giao của Ban Tổ chức Trung ương. Số lượng người làm việc trong các đơn vị SNCL sử dụng trong chỉ tiêu được UBND tỉnh giao hằng năm, các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị SNCL trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công tác quản lý, sử dụng viên chức, lao động hợp đồng được thực hiện bảo đảm đúng quy định; chính sách tiền lương và các chế độ đãi ngộ khác đối với viên chức, người lao động (*nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...*) nói chung và đội ngũ viên chức giáo dục, y tế nói riêng được thực hiện đầy đủ, bảo đảm theo đúng quy định; công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại viên chức giữ vị trí lãnh đạo các đơn vị SNCL đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, y tế được tỉnh đặc biệt quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện về thời gian, công việc, chế độ chính sách khuyến khích, động viên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; hồ sơ đội ngũ viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, y tế được kê khai, bổ sung thường xuyên, đầy đủ các thành phần và lưu trữ theo quy định của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức, quyết định cử đi học, quyết định chế độ tiền lương, vị trí việc làm, ... theo phân cấp công tác tổ chức cán bộ của tỉnh; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức nói chung theo quy định và viên chức ngành giáo dục, y tế nói riêng (*các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra...*).

- Về việc giao biên chế sự nghiệp tại một số cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước (*như kiểm lâm, kiểm ngư, thanh tra giao thông...*) được thực hiện đảm bảo theo quy định.

Đối với biên chế sự nghiệp tại thanh tra giao thông, thanh tra xây dựng: tại Công văn số 4070/BNV-TCBC ngày 09/08/2020 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị SNCL của tỉnh Hưng Yên năm 2021, Bộ Nội vụ đã cắt giảm 28 biên chế của tỉnh phân bổ tại Thanh tra Sở Xây dựng và Thanh tra Sở Giao thông vận tải; UBND tỉnh đã cân đối, giao bổ sung biên chế công chức cho Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải để bố trí cho đội ngũ thanh tra giao thông, thanh tra xây dựng theo quy định.

Đối với biên chế sự nghiệp tại các Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật và các Hạt Quản lý đê, tỉnh Hưng Yên đã nhiều lần báo cáo Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ bổ sung biên chế công chức cho tỉnh để bố trí, sắp xếp đội ngũ biên chế sự nghiệp đang thực hiện chức năng quản lý nhà nước để chuyển sang biên

chế công chức. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại cấp có thẩm quyền chưa có nội dung bổ sung biên chế công chức cho tỉnh, nên tỉnh vẫn tiếp tục giao biên chế sự nghiệp cho đơn vị để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, đồng thời để thực hiện tiền lương, chế độ chính sách cho người làm việc.

2.1.2. Về tinh giản biên chế

a) Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về tinh giản biên chế

Từ năm 2015 đến năm 2023, tỉnh đã thực hiện tinh giản **2.839** biên chế (*giai đoạn 2015-2021 giảm 2.339 biên chế, giai đoạn 2022-2026 đã giảm được 500 biên chế*), đạt tỷ lệ 12,97%.

b) Việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm để đưa ra khỏi đội ngũ những người 2 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ

Việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm được triển khai, đánh giá, thông báo kết quả đánh giá công khai. Những viên chức có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền cho viên chức thôi việc.

c) Việc sắp xếp, cơ cấu lại và tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non, phổ thông và các chức danh lái xe, bảo vệ, nhân viên phục vụ trong các đơn vị SNCL

- Đối với chức danh Kế toán: để đảm bảo đội ngũ nhân viên hành chính trong các trường mầm non, phổ thông công lập, trong đó có nhân viên Kế toán, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL đến năm 2026, trong đó có điều chỉnh nội dung “*sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ viên chức kế toán các trường mầm non, các trường tiểu học và các trường THCS*” và “*sắp xếp viên chức làm công tác thiết bị, thí nghiệm các cơ sở giáo dục phổ thông công lập*”. Theo đó, mỗi trường Mầm non được bố trí 01 biên chế để làm kế toán và một số công việc phù hợp khác; các trường tiểu học, THCS và trường liên cấp TH-THCS được bố trí 02 biên chế hành chính để thực hiện các nhiệm vụ văn thư, thủ quỹ, kế toán, thư viện, thiết bị - thí nghiệm; các trường THPT, THCS và THPT được bố trí 03 biên chế hành chính để thực hiện các nhiệm vụ văn thư, thủ quỹ, kế toán, thư viện, thiết bị - thí nghiệm.

- Đối với chức danh Y tế học đường: ngày 12/4/2019 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 942/QĐ-UBND phê duyệt Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý; theo đó, năm 2019 tỉnh giao **455** biên chế nhân viên y tế trường học về các Trạm Y tế cấp xã trực thuộc Sở Y tế quản lý, đồng

thời giao Sở Y tế chủ trì xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện giải quyết dứt điểm số viên chức y tế tại các Trạm Y tế vượt quá số biên chế theo quy định.

- Đối với các chức danh lái xe, bảo vệ, nhân viên phục vụ: đến nay tỉnh chưa thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại và tinh giản biên chế đối với các chức danh lái xe, bảo vệ, nhân viên phục vụ trong các đơn vị SNCL

2.1.3. Kết quả thực hiện về số lượng lãnh đạo cấp phó do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL, giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó sau khi sáp nhập, hợp nhất

Trên cơ sở bố trí sắp xếp số lượng lãnh đạo các đơn vị SNCL theo vị trí việc làm đã được phê duyệt, tỉnh đã thực hiện nghiêm túc về số lượng cấp phó theo quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo)

2.1.4. Kết quả nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Việc thực hiện đào tạo lại, hỗ trợ thích hợp đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

Thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL nhằm giảm mạnh đầu mối, đặc biệt là kiên quyết giải thể, sáp nhập, cơ cấu lại các đơn vị SNCL hoạt động không hiệu quả; nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị SNCL; khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; đồng thời thực hiện đào tạo lại, bố trí, sắp xếp, hỗ trợ đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập là việc cần thiết để viên chức đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm mới sau khi sáp nhập.

b) Việc thí điểm thi tuyển và thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị SNCL

Tỉnh chưa thực hiện việc thí điểm thi tuyển và thuê giám đốc điều hành thí điểm trong đơn vị SNCL do chưa có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về nội dung này.

c) Việc thực hiện chế độ hợp đồng viên chức có thời hạn đối với những trường hợp tuyển dụng mới

Sau khi tuyển dụng viên chức, viên chức thực hiện chế độ hợp đồng có thời hạn theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

d) Việc phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức theo hướng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ chiếm tỉ lệ ít nhất 65%; việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả đội ngũ này.

Hàng năm, tỉnh có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành chuyên sâu, phương pháp quản lý, điều hành, thực thi công vụ, thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên sâu chuyên ngành; thúc đẩy, khuyến khích tổ chức bồi dưỡng theo hình thức từ xa; tăng cường bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý, điều hành và vận hành Chính phủ điện tử góp phần tinh gọn giảm lao động gián tiếp.

2.2. Khó khăn, vướng mắc

- Tình trạng thiếu biên chế giáo viên và nhân viên y tế so với định mức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế của tỉnh là khá cao; mặc dù năm học 2022-2023 tỉnh đã được bổ sung 1.063 biên chế giáo viên, năm học 2023-2024 là 711 biên chế giáo viên nhưng vẫn chưa đảm bảo định mức giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT; định mức nhân viên y tế theo quy mô dân số và số giường bệnh tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT.

- Một số điểm trong cơ chế chính sách triển khai thực tế chưa thực sự phù hợp, ví dụ: Điều dưỡng hạng 4 thực hiện các dịch vụ kỹ thuật Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng hoặc Y học cổ truyền cho người bệnh do thực hiện không đúng nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ; mặc dù cán bộ y tế có đào tạo về phục hồi chức năng; Trưởng khoa phải cơ hữu tại khoa, không được tăng cường sang khoa khác theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP quy định “Là người hành nghề cơ hữu tại cơ sở”.

- Việc tuyển dụng bác sĩ về các TTYT tuyến huyện và một số bệnh viện chuyên khoa như: Phổi, Tâm thần kinh rất ít bác sĩ đăng ký tuyển dụng.

2.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được và của khó khăn, vướng mắc.

- Nguyên nhân của kết quả: cấp uỷ, chính quyền của tỉnh đã chỉ đạo kiên quyết, chấp hành đúng quan điểm, phương châm, chỉ tiêu kế hoạch về quản lý biên chế đơn vị sự nghiệp công lập; bố trí số lượng cấp phó đơn vị sự nghiệp theo đúng quy định.

- Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc: nguồn tuyển dụng viên chức lĩnh vực giáo dục và đào tạo và trạm y tế xã còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu; trong khi tiêu chuẩn, điều kiện để hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ chưa phù hợp với thực tế cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên nhưng không có nguồn đủ điều kiện để hợp đồng làm việc tại các cơ sở giáo dục và đào tạo. Môi trường, các chính sách đãi

ngộ của Nhà nước chưa thu hút được bác sỹ, được sỹ làm việc tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan.

Một số cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện chưa chủ động rà soát, sắp xếp đội ngũ viên chức, người lao động; chưa kiên quyết trong việc bố trí và thực hiện các giải pháp để sắp xếp, bố trí cân đối giáo viên để hạn chế tình trạng thừa thiếu cục bộ. Công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng quản lý nhà nước chưa thường xuyên.

3. Việc đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

3.1. Việc thực hiện chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần và loại hình doanh nghiệp khác

3.1.1. Tình hình thực hiện

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh đã tham mưu với UBND tỉnh xây dựng phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các DNNN thuộc tỉnh và đơn vị SNCL của tỉnh xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được văn bản thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 21/12/2015 về thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và các đơn vị SNCL của tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2015-2016.

Trong đó, thực hiện cổ phần hóa 02 đơn vị SNCL trực thuộc Sở Giao thông vận tải bao gồm: Đoạn Quản lý đường bộ và Đoạn Quản lý đường sông. Kết quả: Đoạn Quản lý đường bộ được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đường bộ Hưng Yên (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901017457 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 15/8/2017*), trong đó phần vốn Nhà nước nắm giữ chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty; Đoạn Quản lý đường sông được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Quản lý đường thủy Hưng Yên (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901019824 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 27/9/2017*), trong đó phần vốn Nhà nước nắm giữ 10% vốn điều lệ của Công ty.

Giai đoạn 2018-2020, căn cứ tiêu chí, danh mục phân loại đơn vị SNCL chuyển đổi thành công ty cổ phần tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TT ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã rà soát, tổng hợp danh sách các đơn vị SNCL chuyển đổi thành công ty cổ phần, báo cáo xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận tại Công văn số 702/TTg-ĐMDN ngày 29/5/2018. Căn cứ văn bản nêu trên, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số

78/KH-UBND ngày 05/7/2018 về việc chuyển 02 đơn vị SNCL thuộc Sở Giao thông vận tải là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hưng Yên và Trung tâm Tư vấn giao thông vận tải thành Công ty cổ phần.

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc

Việc phải chờ các văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về việc chuyển đơn vị SNCL thành Công ty cổ phần nên tiến độ thực hiện cổ phần hóa tại các đơn vị hiện nay bị chậm so với Kế hoạch.

3.1.3. Số lượng đơn vị SNCL đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần; được phê duyệt thành công ty cổ phần giai đoạn 2015-2023; đã chuyển thành công ty cổ phần tính đến hết ngày 31/12/2023 và chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp khác công ty cổ phần

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo)

3.2. Về thực hiện xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

3.2.1. Số lượng đơn vị sự nghiệp ngoài công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo từng ngành lĩnh vực tính đến hết ngày 31/12/2023; so sánh với năm 2015, 2017 và 2021

(Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo).

3.2.2. Chính sách khuyến khích xã hội hóa tại tỉnh Hưng Yên được thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP⁷; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP⁸; Thông tư số 135/2008/TT-BTC⁹; Thông tư số 156/2014/TT-BTC¹⁰; Quyết định số 1466/QĐ-TTg¹¹; Quyết định số 693/QĐ-TTg¹² ngày 06/5/2013:

- Kết quả đạt được: công tác xã hội hóa đã phát huy được tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường. Tạo điều kiện để nhân dân thụ hưởng và có quyền lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ phù hợp với từng lĩnh vực. Thu hút đầu tư bằng nhiều hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của từng lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường. Nhận thức về xã hội hóa trong cán bộ và nhân dân có sự chuyển

⁷ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 08/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

⁸ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 08/5/2008.

⁹ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 8/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

¹⁰ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008.

¹¹ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

¹² Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008.

biển; ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân đóng góp, bổ sung nguồn lực cho các ngành giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

- Tồn tại, hạn chế: nhận thức của xã hội về giáo dục và đào tạo tuy có chuyển biến nhưng chưa đồng đều dẫn đến tỷ lệ học sinh phổ thông, sinh viên vào các trường ngoài công lập chưa đạt chỉ tiêu để duy trì hoạt động của một số cơ sở; đặc biệt tâm lý ngại học trường ngoài công lập của bộ phận lớn người dân vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức y tế còn thấp, áp lực công việc lớn do đó chưa thu hút và giữ chân được một bộ phận viên chức làm việc cho khu vực công lập.

- Nguyên nhân của kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế: việc phát triển kinh tế của tỉnh và đời sống nhân dân còn khó khăn, đã ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực thúc đẩy cho sự phát triển xã hội hóa. Ngoài xã hội vẫn còn tâm lý phân biệt giữa trường công lập và ngoài công lập.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan: các ngành, cơ quan, đơn vị chưa đề ra kế hoạch hành động cụ thể trong công tác xã hội hoá.

4. Đánh giá về việc nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập

4.1. Tình hình và kết quả đạt được

4.1.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của đơn vị SNCL

Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong của các đơn vị SNCL; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các đơn vị SNCL theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các đơn vị SNCL theo hướng giảm số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giảm tối đa cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng chính quyền điện tử; sử dụng hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin đã được đầu tư, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành.

4.1.2. Rà soát số liệu báo cáo tại phụ lục kèm theo Báo cáo kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII

Sau khi rà soát, tỉnh Hưng Yên báo cáo Bộ Nội vụ xem xét điều chỉnh số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của các đơn vị SNCL (tại phụ lục kèm theo Báo cáo số 277/BC-SNV ngày 25/9/2023 của Sở Nội vụ về kết quả 06 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII) như sau: năm 2015 là **657** tổ chức, đơn vị trực thuộc đơn vị SNCL; năm 2021, 2023 là **521** tổ chức, đơn vị trực thuộc đơn vị SNCL.

(Chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo)

4.1.3. Việc đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị của đơn vị SNCL

Các đơn vị SNCL đã chủ động, tích cực trong công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị của đơn vị SNCL, đáp ứng các yêu cầu về tính chặt chẽ, hiệu quả. Tập trung xây dựng đội ngũ viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và khung năng lực bảo đảm theo quy định nên chất lượng viên chức được nâng cao, dẫn đến sự hài lòng của người dân về các dịch vụ công. Cơ cấu đội ngũ viên chức làm công tác chuyên môn dùng chung và viên chức làm công tác chuyên môn nghiệp vụ bảo đảm theo quy định. Công tác đánh giá viên chức trong đơn vị sự nghiệp được thực hiện theo Quy định số 540-QĐ/TU ngày 10/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân cán bộ công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên; theo đó xác định sản phẩm đầu ra; năng lực cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế gắn với tinh gọn bộ máy. Do đó, chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngày càng tốt hơn và được người dân, doanh nghiệp đánh giá cao.

4.1.4. Việc nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tài sản công của đơn vị; ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản công; hoàn thiện chế độ kế toán, thực hiện chế độ kiểm toán, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động tài chính của đơn vị SNCL

- Chủ tài khoản và kế toán được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm.

- Về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: các đơn vị đã ban hành đầy đủ các quy chế bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định, công khai, minh bạch, dân chủ; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế cho phù hợp với các quy định sửa đổi, bổ sung trong năm của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng định mức chi phù hợp với các quy định của Nhà nước và khả năng nguồn tài chính của đơn vị.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán theo quy định. Đồng thời, thực hiện công khai tài chính nghiêm túc, đầy đủ, gửi các báo cáo theo quy định.

4.1.5. Việc áp dụng mô hình quản trị như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Tỉnh Hưng Yên chưa có đơn vị SNCL nào áp dụng mô hình quản trị như doanh nghiệp.

4.1.6. Về mô hình hội đồng quản lý của đơn vị SNCL

Tỉnh chưa có đơn vị SNCL nào đủ điều kiện thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị SNCL.

4.1.7. Việc kiểm định, đánh giá và xếp hạng các đơn vị SNCL

Việc kiểm định, đánh giá các đơn vị SNCL được đẩy mạnh, cụ thể: kiểm định và đánh giá chất lượng các trường học được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc; các trang thiết bị y tế được kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị y tế theo đúng lộ trình thực hiện quy định. Việc xếp hạng các đơn vị SNCL được thực hiện bảo đảm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định của pháp luật có liên quan.

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Hạch toán doanh thu các nguồn thu sự nghiệp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật chưa chi tiết; gây khó khăn cho tổng hợp, báo cáo số liệu tương ứng với từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Vẫn còn một số vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách đã được phát hiện và xử lý kịp thời qua công tác kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

4.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được và của tồn tại, hạn chế

4.3.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Các đơn vị đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

4.3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Một số đơn vị có bộ phận làm công tác kế toán yếu về chuyên môn nghiệp vụ; chưa cập nhật đầy đủ các chế độ, chính sách về quản lý thu, chi ngân sách được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

4.4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan

Các cơ quan, đơn vị theo trách nhiệm đã chủ động đổi mới phương thức quản lý và hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của đơn vị. Tuy nhiên, còn một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa chủ động, quyết liệt thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Việc hoàn thiện cơ chế tài chính, thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị SNCL, trọng tâm là tự chủ tài chính

5.1. Tình hình và kết quả đạt được

5.1.1. Kết quả thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị SNCL tính đến hết ngày 31/12/2023

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

5.1.2. Việc thực hiện tự chủ về nhân sự, tổ chức bộ máy, thực hiện nhiệm vụ

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP¹³, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/11/2022 về xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025; giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn xây dựng đề án tự chủ trong các đơn vị SNCL cho 770 đại biểu là lãnh đạo, chuyên viên làm công tác tổ chức - hành chính các sở, ngành và đơn vị sự nghiệp trực thuộc; lãnh đạo, cán bộ làm công tác tổ chức - hành chính cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện.

Để đảm bảo hoàn thành việc phê duyệt Đề án tự chủ theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 183/KH-UBND; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh đang khẩn trương xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy định.

5.1.3. Sự phù hợp của danh mục dịch vụ sự nghiệp công mà các đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý của địa phương đang thực hiện với danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo từng ngành, lĩnh vực đã được ban hành

Các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do các sở, ngành của địa phương tham mưu ban hành đến thời điểm hiện tại phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo từng ngành, lĩnh vực đã được Trung ương ban hành, đảm bảo phù hợp với ngân sách, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.1.4. Việc thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước

a) Giai đoạn 2017-2021: cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết số 75/2016/NQ-HĐND ngày 25/11/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

b) Năm 2022: cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết số 153/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2022.

¹³ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị SNCL.

c) Giai đoạn 2023-2025: cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết số 301/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025.

5.1.5. Việc đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị SNCL sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên

a) Việc chuyển đổi các đơn vị SNCL sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên được thực hiện căn cứ vào mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị SNCL.

b) Cách thức xác định mức độ tự chủ về tài chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị SNCL.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ khi được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập, các đơn vị phải tích cực khai thác nguồn thu để nâng mức độ tự chủ về tài chính theo quy định.

5.1.6. Việc chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công; lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

a) Luật Phí, lệ phí ngày 25/11/2015 ra đời thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10; theo đó, các khoản phí trong danh mục phí và lệ phí kèm theo Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá do Nhà nước định giá được thực hiện theo Luật giá kể từ ngày Luật Phí, lệ phí có hiệu lực thi hành. Tại tỉnh đã thực hiện chuyển đổi các khoản phí, lệ phí này sang cơ chế giá sản phẩm, dịch vụ theo quy định.

b) Đối với những loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh: HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: số 205/2019/NQ-HĐND quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 292/2020/NQ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; số 16/2021/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND; số 213/2022/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND; số 331/2022/NQ-HĐND quy định mức thu một số loại lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5.1.7. Việc bảo đảm nguồn kinh phí để giải quyết chính sách đối với những người dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL trực thuộc và thực hiện tinh giản biên chế

Ngân sách nhà nước đảm bảo nguồn kinh phí để giải quyết chính sách đối với những người dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

5.1.8. Hiệu quả của việc các đơn vị SNCL thực hiện cơ chế tự chủ, như: mức độ phụ thuộc vào ngân sách nhà nước; chủ động trong huy động nguồn lực; điều kiện tăng thu nhập cho lãnh đạo và người lao động; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật...

Việc nâng mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL sẽ giảm mức độ phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính sẽ quan tâm, chú trọng đến việc rà soát, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng các giải pháp quản lý nội bộ để tiết kiệm chi phí; dành nguồn tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức, người lao động.

5.2. Tôn tại, hạn chế

- Việc thực hiện tự chủ tài chính còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao, đặc biệt ở cấp huyện; nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là NSNN cấp phát; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá.

- Hầu hết các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí vào giá, dẫn đến khó khăn cho các đơn vị SNCL khi thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Các định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu, khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu, cũng như triển khai trong quản lý.

- Chưa phân bổ dự toán theo cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng.

5.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được và của tôn tại, hạn chế

Nhiều bộ, ngành trung ương còn chưa xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý về đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị SNCL; dẫn đến địa phương gặp nhiều khó khăn, lúng túng khi triển khai.

Số lượng danh mục dịch vụ sự nghiệp công rất rộng; thu nhập của phần lớn người dân còn thấp, ảnh hưởng đến khả năng chi trả cho dịch vụ công.

5.4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan

Các cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong việc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá để thực hiện đặt hàng, đấu thầu.

6. Đánh giá về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với đơn vị SNCL

6.1. Tình hình và kết quả đạt được

6.1.1. Việc phân cấp, giao quyền tự chủ cho các đơn vị SNCL theo hướng phân định rõ việc quản lý nhà nước với quản trị đơn vị SNCL và việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh tập trung rà soát, xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị SNCL; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các Sở, ban, ngành, các Chi cục trực thuộc Sở, ban, ngành theo hướng giảm số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giảm tối đa cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền Đề án sắp xếp, tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, phân loại, chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính, giao quyền tự chủ, chuyển thành công ty cổ phần đối với các đơn vị SNCL trong từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhằm giảm mạnh đầu mối, giảm cấp phó, nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động các đơn vị SNCL với nội dung, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, bảo đảm theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức hành chính; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và nhu cầu cơ bản thiết yếu phục vụ nhân dân; có chú ý đến việc phân biệt rõ mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn và phân định rõ việc quản lý nhà nước với quản trị đơn vị SNCL và việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

6.1.2. Việc lấy kết quả thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế hằng năm là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại kết quả công tác của người đứng đầu cấp uỷ, đơn vị SNCL

Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL của tỉnh, gắn với đổi mới hệ thống chính trị, cải cách hành chính; đồng thời, có lộ trình và bước đi phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, có phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện, trong đó lấy kết quả thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế hằng năm là một trong những tiêu chí để đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu. Do đó, giai đoạn 2015-2021, tỉnh đã thực hiện bảo đảm mục tiêu đề ra về tinh giản bộ máy và biên chế. Năm 2022, năm 2023 tỉnh hoàn thành chỉ tiêu giảm tối thiểu

2,5% đơn vị SNCL (trung bình mỗi năm giảm 2,5% đơn vị SNCL trong giai đoạn 2022-2025).

6.1.3. Việc tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính các cấp trong quản lý ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực sự nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, tránh chồng chéo, lãng phí

Về ngân sách nhà nước chi cho các lĩnh vực sự nghiệp: căn cứ hướng dẫn của Trung ương, hằng năm Sở Tài chính ban hành hướng dẫn xây dựng, thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước. Sở Tài chính đã phối hợp chặt chẽ với các Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước cấp I đảm bảo việc xây dựng kinh phí cho các lĩnh vực sự nghiệp theo quy định.

Hằng năm, các cơ quan thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh đã ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6.1.4. Việc quy định rõ quyền hạn gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị

Việc quy định rõ quyền hạn gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị SNCL đã góp phần quan trọng vào kết quả công tác cán bộ tỉnh những năm qua

6.1.5. Việc tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Việc công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm bảo đảm cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận hiểu đầy đủ, chính xác, kịp thời về mục đích, ý nghĩa, nội dung quy định pháp luật để làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện và thi hành pháp luật trên các lĩnh vực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bao gồm cả các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Góp phần bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước; bảo đảm sự công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

6.1.6. Việc hình thành các tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập về chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực và ban hành, sử dụng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL

Hiện tại tỉnh chưa ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị sự nghiệp trực thuộc phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương.

6.1.7. Việc xếp hạng các đơn vị SNCL

Việc xếp hạng các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh được thực hiện bảo đảm theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định của pháp luật có liên quan.

6.1.8. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh cơ bản bảo đảm theo quy định. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị đều tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở; kịp thời phát hiện, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đồng thời, thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị nghiêm túc thực hiện công tác tự kiểm tra, kiểm tra và thực hiện pháp luật trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực quản lý.

6.2. Tôn tại, hạn chế

Việc ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL của các Bộ, ngành đối với nhiều lĩnh vực đến nay chưa có hoặc có nhưng chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, nên địa phương thiếu căn cứ tổ chức triển khai thực hiện.

6.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được và tôn tại, hạn chế

6.3.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Sự lãnh đạo chỉ đạo sâu sát, kịp thời, triển khai thực hiện nghiêm túc có nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn để triển khai thực hiện có hiệu quả của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh nhất là Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ đã nâng cao trách nhiệm, bám sát các quy định của pháp luật tham mưu cho tỉnh, huyện sắp xếp, đổi mới, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

6.3.2. Nguyên nhân của tôn tại, hạn chế

Một số đơn vị chưa có thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành lĩnh vực quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở đánh giá, xếp hạng, đặc biệt là các đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất để hình

thành các đơn vị sự nghiệp mới lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, văn hóa, truyền thông...

PHẦN II

NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung ưu điểm và hạn chế, khó khăn, vướng mắc của việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023

1.1. Ưu điểm

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP đã được các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, bài bản bằng các kế hoạch, chương trình, Đề án cụ thể; thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đây cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm.

- Đến nay, các cơ quan, tổ chức đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP đối với các nội dung, lĩnh vực giáo dục; y tế; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể dục và thể thao; nông nghiệp và phát triển nông thôn; tài nguyên và môi trường... Trong quá trình thực hiện, tỉnh đã chủ động, linh hoạt và có nhiều giải pháp thực hiện có hiệu quả.

- Tổ chức bộ máy, biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo tinh gọn hơn, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó; chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được nâng lên, cung cấp dịch vụ công cho nhân dân ngày càng chất lượng hơn, mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung cấp dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công được nâng lên rõ rệt.

1.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2021 có ít nhất 10% đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên chưa đạt được.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu, gây khó khăn trong việc xác định đơn giá cũng như triển khai phân bổ ngân sách nhà nước theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

- Việc xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công của một số lĩnh vực sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định chưa thực hiện được.

- Chưa ban hành được tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân

sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL.

- Việc thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn chậm.
- Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy dẫn đến một đầu mỗi phải thực hiện nhiều nhiệm vụ gây ra tình trạng quá tải công việc, viên chức chịu áp lực công việc lớn trong khi chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức hiện nay chưa tương xứng, do đó còn tình trạng viên chức nghỉ việc, thôi việc vẫn còn diễn ra.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế còn thiếu, lạc hậu, xuống cấp; do đó đơn vị gặp nhiều hạn chế trong thực hiện triển khai nhiệm vụ chuyên môn, chưa đáp ứng tốt công tác khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân.
- Thực hiện tinh giản biên chế đã ảnh hưởng đến sự nghiệp giáo dục, do số lớp, số học sinh tăng nhưng biên chế sự nghiệp vẫn phải thực hiện tinh giản theo chủ trương chung.

1.3. Nguyên nhân

- Một số quy định, hướng dẫn về tổ chức bộ máy của Trung ương còn chưa kịp thời và chưa đồng bộ để thống nhất thực hiện.
- Một số cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của các chủ trương, quan điểm về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL nên việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết chưa quyết liệt.
- Việc ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL của các Bộ, ngành đối với nhiều lĩnh vực đến nay chưa có hoặc có nhưng chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, dẫn đến việc thiếu căn cứ để địa phương tổ chức triển khai thực hiện.
- Nguồn thu của các trường học rất thấp do học phí chưa được thu theo Nghị định 81, riêng cấp tiểu học không thu học phí, nên khó khăn trong việc nâng mức độ tự chủ của các trường.

1.4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân đối với những tồn tại, hạn chế trong việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL giai đoạn 2018-2023

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động trong việc nghiên cứu, đề ra các giải pháp để đẩy mạnh chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị SNCL nên việc thực hiện chuyển đổi mô hình

hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị SNCL ở hầu hết các lĩnh vực còn chậm, chưa đạt yêu cầu.

- Nhiều cơ quan, đơn vị chưa quyết tâm, quyết liệt trong việc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ căn cứ pháp lý để chuyển sang đặt hàng, đấu thầu. Trình độ quản lý tài chính, chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, viên chức, người lao động còn hạn chế nên chưa đề xuất, tham mưu đầy đủ, kịp thời cho thủ trưởng đơn vị về những chính sách tài chính để thúc đẩy hoạt động có hiệu quả tại đơn vị mình.

1.5. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023

Qua 06 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, có thể rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, kiên trì mục tiêu của Nghị quyết, tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, đồng bộ với quyết tâm cao nỗ lực lớn và hành động quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền. Trong đó, phải phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế là một trong những nội dung đánh giá, xếp loại hàng năm đối với cán bộ, đảng viên có liên quan. Phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, coi đây là giải pháp trọng tâm, then chốt nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện; nhất là việc vận động phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Hai là, quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế phải đồng bộ, công khai, dân chủ, minh bạch, thận trọng, nhân văn, không cầu toàn, nóng vội; "dễ làm trước, khó làm sau", vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bảo đảm "hợp tình, hợp lý", lấy quyền và lợi ích của cán bộ, đảng viên làm cơ sở; vừa sắp xếp tinh gọn bộ máy nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động chung của các cơ quan đơn vị.

Ba là, coi trọng xây dựng nội bộ đoàn kết; phải có quyết tâm chính trị cao, có phương pháp tổ chức thực hiện bài bản, chặt chẽ, sáng tạo, khoa học, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức phải quyết liệt, dám nghĩ, dám làm và biết cách làm, tạo động lực để sắp xếp cơ quan hoạt động tốt hơn.

Bốn là, quan tâm công tác sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế, vướng mắc, phát huy những sáng kiến kinh nghiệm hiệu quả; kịp thời biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, những cách làm tốt. Phải huy động sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; phát huy mạnh mẽ

vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Các nhóm giải pháp

2.1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động của đơn vị SNCL như: rà soát sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất các đơn vị SNCL theo từng ngành, lĩnh vực. Ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (*thực hiện ngay khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương*).

- Tiếp tục quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh theo quy định (*thực hiện ngay khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương*).

2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện thắng lợi mục tiêu tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Kết luận số 50-KL/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và các văn bản có liên quan.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL của tỉnh gắn với đổi mới hệ thống chính trị và cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, tổng kết thực tiễn để kịp thời đề xuất với Đảng, Nhà nước sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh nhằm tinh gọn, thu gọn đầu mối các đơn vị SNCL và đầu mối bên trong các đơn vị SNCL, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị SNCL và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi cơ chế, mô hình hoạt động đối với các đơn vị SNCL có nguồn thu sang loại hình tự chủ một phần hoặc toàn bộ kinh phí hoạt động; đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL; tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị SNCL; chuyển đổi các đơn vị SNCL có đủ điều kiện sang công ty cổ phần theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra theo Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các Chương trình hành động, Kế hoạch của UBND tỉnh: số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 và số 146/KH-UBND ngày 05/10/2023.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn lực và tài chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình, bảo đảm mục tiêu, tỷ lệ tinh giản tối thiểu 10% số lượng người làm việc đến năm 2026.

- Chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng; có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ; giảm dần số lượng sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ.

- Các cơ quan, đơn vị rà soát, sớm hoàn thành việc ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL; đồng thời, khẩn trương ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh việc thực hiện lộ trình giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo bình đẳng giữa đơn vị SNCL và ngoài công lập.

- Tăng cường công khai minh bạch; thực hiện nghiêm các quy định về giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các ĐVSNCL và ngoài công lập, đặc biệt là về thực hiện chính sách chế độ tài chính; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, xử lý nghiêm vi phạm.

3. Kiến nghị

3.1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

- Quy định cụ thể việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các đơn vị SNCL thuộc các cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội để tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện vì hiện nay Nghị định số 120/2020/NĐ-CP chỉ quy định đối với các đơn vị SNCL thuộc khối chính quyền địa phương.

- Ban hành các quy định về định mức số lượng người làm việc đối với các đơn vị SNCL thuộc các cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tiếp tục bổ sung biên chế giáo viên, nhân viên y tế cho các đơn vị SNCL của tỉnh đảm bảo định mức biên chế giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, định mức biên chế nhân viên y tế theo quy định của Bộ Y tế.

- Giao địa phương quyết định và chịu trách nhiệm đối với biên chế trong đơn vị sự nghiệp theo vị trí việc làm để tạo sự chủ động theo sự tăng, giảm nhiệm vụ của địa phương; Chính phủ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của địa phương.

3.2. Đối với Thủ tướng Chính phủ

Ban hành đầy đủ danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và sửa đổi theo hướng:

- Quy định thống nhất về thẩm quyền ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị SNCL thuộc sở để làm cơ sở cho UBND cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thống nhất về thẩm quyền và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

- Đối với Bệnh viện hạng I trở lên; cơ sở giáo dục có quy mô lớn, nhiều cấp học hoặc có nhiều điểm trường xa nhau được bố trí không quá 03 cấp phó.

- Ban hành cơ chế, chính sách đối với đơn vị SNCL (đơn vị nhóm 3, 4) có dưới 15 người làm việc là viên chức (không phải là đơn vị SNCL cơ bản, thiết yếu) nhưng vẫn hoạt động hiệu quả và tỉnh không còn đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

3.3. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của trường phổ thông có nhiều cấp học (*tại Thông tư số 32/202/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020*) theo hướng không quy định phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất để tạo sự bình đẳng giữa lãnh đạo quản lý của các khối trường trong quá trình sáp nhập, hợp nhất các trường học.

- Ban hành hướng dẫn liên ngành về xếp hạng đơn vị SNCL thuộc 02 lĩnh vực trở lên để áp dụng đối với các tỉnh đã thực hiện việc sáp nhập các Ban quản lý dự án chuyên ngành thuộc các Sở quản lý chuyên ngành thành Ban quản lý dự án chuyên ngành thuộc UBND cấp tỉnh.

- Ban hành đầy đủ các quy định hoặc hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với các đơn vị SNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

- Đề nghị ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp

công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Đoàn ĐBQH tỉnh Hưng Yên báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng thư ký Quốc hội (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CTQH^{M.Trang};
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Đại Thắng